

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2020/HSPT
Ngày 17 tháng 9 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn
Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 246/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Lê Hồng P và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Lê Hồng P (tên gọi khác: Trắng) sinh ngày 16/7/1986 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 17, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng S và bà Nguyễn Thị Ng; có vợ là Vũ Lê Yên Nh (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2010; tiền sự: Không;

Bị cáo có 02 tiền án:

- Ngày 26/10/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Ngày 08/01/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 31/8/2015 được đặc xá;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2017; có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Trường H sinh ngày 01/5/1985 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn G, xã S1, huyện S2, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trương Thị D (không xác định được cha); sống chung như vợ chồng với chị Võ Nguyễn Trà M; có 02 con (sinh năm 2016 và năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 15/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện S2 xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Ngày 26/10/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 02 bản án là 05 năm tù, chấp hành án đến ngày 31/8/2013 được đặc xá.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2017; có mặt tại phiên tòa.

3. Tạ V (tên gọi khác: Châu Quậ) sinh ngày 01/7/1985 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 15, phường T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ B (chết) và bà Võ Thị C1; chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Bị cáo có 02 tiền án:

- Ngày 07/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 26/10/2010 bị tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 02 bản án là 06 năm 06 tháng tù; ngày 24/10/2014 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2016; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hữu B1 (tên gọi khác: B1 Thọ) sinh ngày 10/9/1989 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã H1, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ng1 và bà Nguyễn Thị Kim O; chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

Bị cáo có 03 tiền án:

- Ngày 10/9/2008 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 05/9/2009 chấp hành xong hình phạt tù;

- Ngày 24/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 19/01/2012 chấp hành xong hình phạt tù;

- Ngày 06/02/2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố Q xử phạt 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 19/01/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2016; có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Văn H2 sinh ngày 07/01/1996 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn P1,

xã B2, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th1 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Huỳnh Thị Cẩm T2 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2016 đến ngày 08/4/2016 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bắt tạm giam lại từ ngày 02/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

6. Dương Ngọc Hoàng A1 (tên gọi khác: Móm) sinh ngày 20/3/1994 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn K, xã H3, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngọc Th2 và bà Trần Thị Diễm N1; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2016 đến ngày 09/7/2016 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bắt tạm giam lại từ ngày 02/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Hữu T3 (tên gọi khác: Bối) sinh ngày 04/9/1994 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 12, phường N2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H4 và bà Nguyễn Thị Kim C2; Chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2016 đến ngày 17/8/2018 cho bảo lãnh; bắt tạm giam lại từ ngày 02/7/2019 đến 30/10/2019 cho bảo lãnh; bắt tạm giam tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Trương Đình Hải Q1 (tên gọi khác: Tý) sinh ngày 10/02/1998 tại Quảng Ngãi; nơi ĐKNKTT: Số 84/39/3 đường T4, khu phố 7, phường B3, quận B4, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 44 đường N3, Tổ 11, phường T5, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hải Đ1 và bà Trần Thị Tr; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2015 đến ngày 20/7/2016 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bắt tạm giam lại từ ngày 12/7/2019, có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Thế G1 sinh ngày 29/5/1984 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn P2, xã Đ2, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn T3 và bà Nguyễn Thị Thu Th2; chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 09/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Ngày 12/7/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng đến ngày 17/11/2016 mới chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Tiền sự: Ngày 13/6/2013 bị Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi quyết định đưa vào cơ sở giáo dục, đến ngày 17/01/2015 đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2016; có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Trần Văn T6 (tên gọi khác: Giông) sinh ngày 18/8/1989 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ 21, phường T5, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Q2 và bà Trương Thị Th3; chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 28/5/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 29/9/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 11/11/2015 thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích”, ngày 25/5/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 03 năm 06 tháng tù (chưa thi hành bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2016; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có 06 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa cho các bị cáo (theo yêu cầu của Tòa án):

1. *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hồng P và bị cáo Phạm Văn H2:* Bà Trần Thị H5, Luật sư của Văn phòng Luật sư C3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

2. *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Trường H:* Ông Trần Quang H6, Luật sư của Văn phòng Luật sư M2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa theo luật định (có mặt).

3. *Người bào chữa cho bị cáo Tạ V và bị cáo Trương Trần Văn T6:* Ông Trần Công N4, Luật sư của Văn phòng Luật sư K1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

4. *Người bào chữa cho bị cáo Trương Đình Hải Q1:* Ông Huỳnh Tấn M3, Luật sư của Văn phòng Luật sư C3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

5. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T3 và bị cáo Dương Ngọc Hoàng A1:* Ông Hà Văn H7, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV S2 Quảng Ngãi thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu B1 và bị cáo Huỳnh Thế G1:* Ông Nguyễn Đăng P4, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Đăng P4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Anh Nguyễn T7 (tên gọi khác: T7 Cu) sinh năm 1989; trú tại: Tổ 10, phường N5, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị và 09 người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 14/12/2015, Lê Hồng P cùng Ngô Trường H, Trương Đức T8, Tạ V, Huỳnh Thế G1, Đặng Thế D1, Nguyễn Trần Th5 và 02 người phụ nữ tên Oanh, Lê là bạn mới quen của P đi hát Karaoke tại đường T9, thành phố Q đến khoảng 0 giờ ngày 15/12/2015 thì cả nhóm đi về. Khi đi ngang qua nhà số 404 N5 (tiệm cầm đồ TT) thì nhóm của Lê Hồng P thấy Nguyễn T7 đang nhậu cùng với một số người khác ở vỉa hè trước nhà. Lúc này, Nguyễn T7 đang đi vệ sinh thì thấy Lê Hồng P nên T7 chửi thì P quay lại, sau đó hai bên xảy ra cãi vã. T7 rủ P đánh, chém nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng P không đồng ý vì đang chở bạn gái và hẹn T7 để hôm sau nói chuyện, rồi cả nhóm Lê Hồng P đi về phòng trọ ở đường P3, thành phố Q; riêng Huỳnh Thế G1 và Đặng Thế D1 đi ăn khuya. Do thấy P có thái độ xem thường mình nên T7 liên tục gọi điện thoại cho P thách thức P đến chỗ T7 đánh, chém nhau. Khi T7 điện thoại, P mở loa ngoài nên tất cả mọi người đều nghe. Lúc này, tại phòng trọ ngoài Lê Hồng P, Ngô Trường H, Trương Đức T8, Tạ V, Nguyễn Trần Th5 còn có Nguyễn Hữu B1, Trần Lam Tr1. Thấy P lấy 01 con dao dài khoảng 30cm nên B1 hỏi thì P nói T7 đòi chém nhau với P, nghe vậy, tất cả mọi người tự tham gia đi cùng P đánh, chém T7.

Khi đi, Ngô Trường H và Tạ V mỗi người cầm theo 01 con dao (loại xắt thịt), Nguyễn Hữu B1 điện thoại rủ Trương Trần Văn T6 đi đánh nhau thì T6 đồng ý. Lúc này T6 đang ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi cùng Phạm Văn H2 và Trương Quang H8 nên T6 rủ H2 và H8 đi chém nhau thì cả hai đồng ý. H8 chở T6 về phòng trọ của bạn gái H8 lấy 01 con dao (loại xắt thịt), còn H2 về phòng trọ của mình lấy 01 cái cưa rồi cùng đến tập trung chỗ phòng trọ Võ Thành Th6 ở đường P3. Lúc này, P cũng cùng nhóm của mình đi đến phòng trọ Võ Thành Th6. Khi gặp Th6, P rủ Th6 cùng đi đánh, chém T7 thì Th6 đồng ý. Tại phòng trọ của Th6 còn có Trương Đình Hải Q1, Dương Ngọc Hoàng A1, Nguyễn Mạnh C4 biết việc P đi chém T7 nên tất cả đều tham gia. Cùng lúc, Huỳnh Thế G1 và Đặng Thế D1 đang đi ăn khuya thì có số điện thoại lạ gọi cho G1 nói T7 rủ P chém nhau, cả nhóm đang ở phòng trọ Th6, nghe vậy G1 và D1 cũng đến tham gia. Khi cả nhóm chuẩn bị đến nhà 404 N5 thì T7 tiếp tục gọi điện thoại thách đố P đánh, chém nhau, P mở loa ngoài cho tất cả cùng nghe. Lúc này Nguyễn Hữu T3 và Nguyễn Hữu Đ3 đi ăn khuya về khi đến chỗ phòng trọ của Th6 thấy P cùng mọi người tập trung chuẩn bị hung khí đi chém T7 nên T3, Đ3 cũng tham gia.

Nhóm của Lê Hồng P gồm 18 người cùng đi xe mô tô đến số nhà 404 N5, cụ thể:

- Trương Đức T8 điều khiển xe mô tô loại xe VESPA màu đen của Ngô Trường H (không xác định được biển kiểm soát) chở Nguyễn Trần Th5 ngồi giữa, Ngô Trường H ngồi sau cầm theo 01 con dao.

- Nguyễn Mạnh C4 điều khiển xe mô tô loại xe HONDA SH màu đỏ, xe của Lê Hồng P mượn một người tên Dũng ở TP Hồ Chí Minh (không xác định được biển kiểm soát) chở Nguyễn Hữu B1 ngồi giữa và Lê Hồng P ngồi sau, mỗi người cầm theo 01 con dao.

- Đặng Thế D1 điều khiển xe mô tô loại xe SUSPORT màu vàng đen của Huỳnh Thế G1 mượn của Nguyễn Quang Linh ở phường N2, Thành phố Q (không xác định được biển kiểm soát) chở Huỳnh Thế G1 ngồi giữa và Trương Đình Hải Q1 ngồi sau, mỗi người cầm theo 01 con dao.

- Võ Thành Th6 điều khiển xe mô tô loại xe SUSPORT màu đỏ trắng không xác định được biển kiểm soát (xe của Lê Hồng P mượn của 01 người tên Hùng ở TP Hồ Chí Minh không rõ nhân thân, lai lịch, rồi cho Th6 mượn lại) chở Tạ V ngồi giữa cầm theo 01 con dao và Dương Ngọc Hoàng A1 ngồi sau cầm theo 01 tuýp sắt rồng.

- Trương Quang H8 điều khiển xe mô tô SIRIUS màu trắng hồng, biển kiểm soát 76X1-5768 của chị Trương Thị Bích D2 (chị của H8) chở Phạm Văn H2 cầm theo 01 cái cưa bằng kim loại.

- Nguyễn Hữu Đ3 điều khiển xe mô tô SH MODE biển kiểm soát 76M1-04849 của Phạm Văn H2 mượn của Huỳnh Thị Cẩm T2 chở Nguyễn Hữu T3 ngồi sau cầm theo 01 tuýp sắt.

- Trần Lam Tr1 điều khiển xe mô tô SIRIUS màu trắng đen, không xác định được biển kiểm soát (xe của Nguyễn Hữu T3 mượn của người khác không xác định được nhân thân, lai lịch) chở theo sau là Trương Trần Văn T6 cầm theo 01 con dao.

Khi nhóm của Lê Hồng P đến trước số nhà 404 đường N5 thì nhóm của T7 gồm: Nguyễn T7, Trần Văn T10, Trần Tr2, Hồ Nguyên T11, Nguyễn Minh T12, Nguyễn Ngọc T13, Lê Cao Đ4, Hồ Duy D1, Nguyễn Chí T14, Lê Thành T15, Trần Q2, Nguyễn Tuấn A2, Hồ Quý L1, Phạm Thị Kiều T16 (vợ T7) đều bỏ chạy vào bên trong nhà; riêng Trần Văn T10 vẫn ngồi tại vỉa hè, còn Nguyễn T7 dùng 02 ly thủy tinh ném về phía nhóm của Lê Hồng P nhưng không trúng ai. Lúc này Trương Đức T8, Nguyễn Mạnh C4, Đặng Thế D1, Trương Quang H8, Nguyễn Hữu Đ3, Trần Lam Tr1 và Võ Thành Th6 là những người điều khiển xe và Nguyễn Trần Th5 đứng ngoài đường chờ, những người còn lại xông vào đánh chém nhóm của Nguyễn T7.

Ngô Trường H dùng dao chém 01 nhát trúng vào vùng đầu của Trần Văn T10; Huỳnh Thế G1 cũng cầm dao chém Trần Văn T10 nhưng không trúng. Nguyễn T7 thấy vậy chạy vào bên trong nhà để đóng cửa lại nhưng chưa kịp đóng cửa thì bị Lê Hồng P dùng dao chém trúng đầu, T7 lui vào bên trong nhà thì bị Lê Hồng P kéo giữ lại dùng tay đánh 01 cái vào mặt. Tiếp đó, Ngô Trường H xông đến dùng dao chém trúng T7 03 nhát (01 nhát trúng vào đầu, 01 nhát trúng vào lưng và 01 nhát trúng vào chân); Tạ V dùng dao chém 01 nhát trúng vào lưng Nguyễn T7 làm cho T7 ngã xuống nền nhà. Khi T7 ngã xuống nền nhà, Trương Đình Hải Q1 tiếp tục cầm dao chém T7 02 nhát (01 nhát trúng vào mông và 01

nhất vào chân (không xác định trúng hay không) làm T7 bất tỉnh. Đối với Nguyễn Hữu T3, Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1 cũng cầm hung khí xông vào nhưng không chém được ai vì nhóm của T7 đã bỏ chạy, còn T7 bị nhiều người trong nhóm vây quanh chém. Trong lúc cả nhóm chém T7 và T10 thì Trương Trần Văn T6 và Huỳnh Thế G1 xông vào bên trong nhà để tiếp tục chém những người trong nhà thì bị Hồ Nguyên T11 dùng ly cầm hương ném trúng vào mặt của Huỳnh Thế G1 nên G1 bỏ đi ra, thì bị Nguyễn Minh T12 dùng kéo ném trúng vào lưng của G1 bị thương tích nhẹ (G1 không có yêu cầu gì). Lúc này nhóm của T7 chạy vào bên trong cầm dao, bàn inox chống trả thì nhóm của Lê Hồng P chạy ra ngoài đường lên xe để đồng bọn chở chạy trốn vào huyện M1, trên đường đi đã vứt bỏ tất cả hung khí. Nguyễn T7 và Trần Văn T10 được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi cấp cứu, sau đó chuyển ra Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng để điều trị.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 382/TgT ngày 21/12/2015 của Trung tâm Giám định pháp y thành phố Đà Nẵng đối với Nguyễn T7 thể hiện:

“Thương tích:

- Vùng đỉnh có vết thương nằm ngang (từ phải sang trái) đã khâu chỉ, kích thước: 17cm x 0,1cm.

- Vùng trán - đỉnh lệch phải có vết thương nằm ngang đã khâu chỉ, kích thước: 05cm x 0,1cm.

- Vùng lưng trái (dưới xương bả vai) có vết thương đã khâu chỉ: kích thước: 16cm x 0,1cm.

- Vùng giữa lưng bên trái có vết thương (đi từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) ngang qua cột sống thắt lưng đã khâu chỉ, kích thước: 22cm x 0,1cm.

- Vùng mông bên phải có vết thương đã khâu chỉ, kích thước 14cm x 0,1cm.

- Mặt sau - trong khuỷu chân phải có vết thương đã khâu chỉ, kích thước 07cm x 0,1cm.

Kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phức tạp vùng đầu gây nứt sọ, tụ máu, tụ khí nội sọ, đã điều trị xử lý vết thương vùng đầu và các vết thương vùng lưng, mông, chân. Hiện tại bệnh tình, tiếp xúc được, nạn nhân đang theo dõi và điều trị tại bệnh viện, các tổn thương còn mới nên chúng tôi chưa đánh giá đầy đủ mức độ tổn thương cũng như di chứng để lại.

- Các tổn thương phần mềm như đã nêu trên.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể được xếp tối thiểu là: 26% (Hai mươi sáu phần trăm)”.

Do khi giám định, Nguyễn T7 đang nằm tại giường bệnh và xếp tỉ lệ tổn thương cơ thể được xếp tối thiểu là 26% nên sau khi Nguyễn T7 xuất viện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trưng cầu giám định bổ sung thương tích đối với Nguyễn T7.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 54/2016/GDPY ngày 11/5/2016, Phòng Giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

“- Đau đầu.

- Yếu $\frac{1}{2}$ người bên trái

- 06 sọc phần mềm kích thước lớn

- Hình ảnh ổ đụng dập não xuất trên đỉnh phải, phù não, vỡ lún sọ đỉnh phải.

Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 40% (bốn mươi phần trăm) ”.

Đối với Trần Văn T10, tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 171/TgT ngày 29/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi đã kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Trương Đình Hải Q1, Nguyễn Hữu B1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6, Phạm Văn H2, Dương Ngọc Hoàng A1, Nguyễn Hữu T3 phạm tội “**Giết người**”.

1. Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Lê Hồng P** 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 04/4/2017.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Ngô Trường H** 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/9/2017.

3. Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Tạ V** 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28/01/2016.

4. Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu B1** 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2016.

5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thế G1** 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/3/2016.

6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52;

khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Trương Trần Văn T6** 05 năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2016/HSST ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Q, buộc bị cáo Trương Trần Văn T6 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18/02/2016.

7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 4 Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Trương Đình Hải Q1** 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 12/7/2019, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2015 đến ngày 20/7/2016.

8. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Dương Ngọc Hoàng A1** 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2019, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2016 đến ngày 09/7/2016.

9. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H2** 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2019, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2016 đến ngày 08/4/2016.

10. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 15; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T3** 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án (28/5/2020), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 02 năm 10 tháng 01 ngày (Từ ngày 17/02/2016 đến ngày 17/8/2018 và từ ngày 02/7/2019 đến 30/10/2019). Áp dụng khoản 2 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, bắt tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu T3 ngay tại phiên tòa để bảo đảm việc thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về: tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 04/6/2020, các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1 có đơn kháng cáo cho rằng người bị hại có lỗi, đã có đơn xin giảm hình phạt cho các bị cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Phạm Văn H2 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội giết người là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo về tội

“Cố ý gây thương tích” và giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Dương Ngọc Hoàng A1, Nguyễn Hữu T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/6/2020, bị hại Nguyễn T7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt từ 04 năm đến 08 năm tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1 tự nguyện xin rút kháng cáo.

Các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 giữ nguyên kháng cáo.

Bị hại Nguyễn T7 xin rút kháng cáo đối với các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1, Trương Đình Hải Q1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6; giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo có kháng cáo và bị hại có kháng cáo đã tự nguyện rút kháng cáo tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo và bị hại có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo tại phiên tòa.

Về nội dung: Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội và vai trò đồng phạm của các bị cáo; đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định xử phạt Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 mỗi bị cáo 04 năm tù về tội “Giết người” là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H2 cho là bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xét vai trò của bị cáo H2, T3 chỉ giúp sức vai trò không đáng kể, không trực tiếp tham gia đánh chém nên áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS xử mức án nhẹ hơn khung hình phạt thấp nhất liên kề, mức án là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Thị H5 bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H2 phát biểu ý kiến: Bị cáo H2 vốn là người chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không có tiền án, tiền sự nhưng vì phút giây bột bột thiếu chín chắn nên tham gia cùng các bị cáo khác. Bị cáo cầm cưa đến nhà bị hại tuy nhiên khi đến nơi bị cáo đã kịp thời dừng lại đứng bên ngoài quan sát, không trực tiếp xông vào nhà để đánh chém bị hại, không gây thương tích cho người khác. Trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò người giúp sức không đáng kể, vai trò thứ yếu. Trong suốt quá trình điều tra,

truy tố, xét xử bị cáo H2 thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và được bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của TAND tối cao để cho bị cáo H2 hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS, cụ thể là áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 54 BLHS sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ cho bị cáo Phạm Văn H2 một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình, hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1 tự nguyện xin rút kháng cáo; bị hại Nguyễn T7 xin rút kháng cáo đối với các bị cáo P, H, V, B1, A1 và các bị cáo Trương Đình Hải Q1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1, Trương Đình Hải Q1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 và của bị hại Nguyễn T7 thì thấy:

[2.1] Về tội danh:

Lời khai nhận của các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 tại phiên tòa phù hợp với khai của các bị cáo khác, của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của những người làm chứng; phù hợp với hình ảnh trích xuất từ camera tại hiện trường khi xảy ra vụ án; phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về thương tích của bị hại Nguyễn T7 và các dấu vết, tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 0 giờ ngày 15/12/2015, Phạm Văn H2 cùng Trương Trần Văn T6 và Trương Quang H8 đang ở bệnh viện thì T6 được Nguyễn Hữu B1 gọi điện thoại rủ đi đánh nhau; T6 rủ H2 và H8 đi đánh nhau thì cả hai đồng ý. H2 về phòng trọ của mình lấy một cái cửa rồi đến tập trung nơi nhóm của bị cáo Lê Hồng P cùng các bị cáo khác đang tập trung chuẩn bị đi đánh nhau. Lúc này, Nguyễn Hữu T3 cùng Nguyễn Hữu Đ3 đi ăn khuya về gặp nhóm của bị cáo P, thấy vậy nên cũng tham gia.

Khi cả nhóm đi đến trước số nhà 404 đường N5, thành phố Q, bị cáo Lê Hồng P đã cùng các bị cáo khác dùng hung khí là dao, tuýp sắt, cửa xông vào để đánh, chém Nguyễn T7 và những người khác đang ngồi cùng Nguyễn T7. Trong đó, Lê Hồng P dùng dao chém vào đầu và dùng tay đánh 01 cái vào mặt T7; Ngô Trường H dùng dao chém 01 nhát vào đầu T10 (là một trong những người trong nhóm của T7) và chém T7 03 nhát trúng vào đầu, lưng, chân; Tạ V dùng dao chém 01 nhát trúng vào lưng T7 làm cho T7 ngã xuống nền nhà;

Trương Đình Hải Q1 dùng dao chém Nguyễn T7 02 nhát trúng vào mông, chân làm T7 bất tỉnh. Tiếp sau đó, Phạm Văn H2 cầm cưa sắt và Nguyễn Hữu T3 cầm tuýp sắt cùng các bị cáo Nguyễn Hữu B1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6, Dương Ngọc Hoàng A1 cầm theo hung khí chạy vào nhằm đuổi đánh, chém những người trong nhóm của Nguyễn T7 nhưng không chém được ai. Hậu quả, Nguyễn T7 đã bị các bị cáo gây thương tích “*ổ đụng dập não xuất trên đỉnh phải, phù não, vỡ lún sọ đỉnh phải*” và các vết thương vùng lưng, mông, chân với tỷ lệ tổn thương cơ thể 40%.

Như vậy, mặc dù các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 không có sự thống nhất ý chí tước đoạt sinh mạng của Nguyễn T7 từ trước, tuy nhiên khi thấy nhóm của Lê Hồng P tập trung đi đánh nhau thì các bị cáo đã tự nguyện tham gia và dùng hung khí nguy hiểm cùng xông vào tấn công Nguyễn T7 và những người trong nhóm của T7; trong đó, Lê Hồng P và Ngô Trường H đã dùng dao chém trúng vào đầu Nguyễn T7, là vùng trọng yếu của cơ thể có thể dẫn đến chết người và bỏ mặc hậu quả xảy ra. Với những hành vi nêu trên, Phạm Văn H2 và Nguyễn Hữu T3 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi buộc phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm với bị cáo Lê Hồng P và các bị cáo khác về tội “Giết người”, thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị cáo Phạm Văn H2 cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về mức hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của các bị cáo và đã áp dụng đúng tội danh, khung hình phạt. Đã xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo xếp sau các bị cáo trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm chém vào nơi trọng yếu trên cơ thể bị hại và thực tế các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 chưa đánh được ai.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét việc các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội; đều đã nộp tiền tại Cơ quan thi hành án để bồi thường cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn H2 và bị cáo Nguyễn Hữu T3 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo do hậu quả chết người chưa xảy ra, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt là có căn cứ.

Tuy nhiên, xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án thì thấy: Trước khi phạm tội lần này, Phạm Văn H2 và Nguyễn Hữu T3 chưa có lần phạm tội nào. Khi bị cáo H2 và bị cáo T3 tham gia cùng các bị cáo khác tổ chức đi đánh nhau không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Tại khu vực xảy ra tội phạm, sau khi các bị cáo P, H, V, Q1 dùng hung khí đánh, chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại thì bị cáo H2 và bị cáo T3 mới cầm hung khí xông vào nhưng không đánh được ai là nằm ngoài ý chí của các bị cáo. Do sự việc xảy ra liên tục nên bị cáo H2 và bị cáo T3 đã phải chịu trách nhiệm hình sự cùng các đồng phạm về tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo H2 và bị cáo T3 là người phạm tội lần đầu và là đồng phạm giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể đối với hành vi giết người mà các bị cáo khác đã thực hiện trước đó; đồng thời, bị cáo H2 và bị cáo T3 đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị hại tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo; bà Nguyễn Thị Kim C2 (là mẹ của bị cáo Nguyễn Hữu T3) có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình hiện nay có nhiều khó khăn, cha bị cáo T3 là bộ đội phục viên hiện bị bệnh tâm thần; bản thân bà C2 bị mờ cả hai mắt và bị cáo T3 là lao động chính trong gia đình (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường N2, thành phố Q). Tại phiên tòa, Kiểm sát viên cũng có ý kiến các bị cáo H2, T3 có đủ điều kiện áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của bị hại Nguyễn T7 và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo H2, sửa bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo H2 và bị cáo T3 một phần hình phạt, vừa bảo đảm sự khoan hồng của pháp luật nhưng cũng bảo đảm tính cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước trừng trị người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào các điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do các bị cáo có kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo tại phiên tòa và kháng cáo của bị cáo H2, bị cáo T3 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1, Trương Đình Hải Q1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 15, Điều 17, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, khoản 3 Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn H2 và bị cáo Nguyễn Hữu T3.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H2** 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02/7/2019, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2016 đến ngày 08/4/2016.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T3** 38 (ba mươi tám) tháng tù, về tội “Giết người”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2020, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2016 đến ngày 17/8/2018 và từ ngày 02/7/2019 đến 30/10/2019.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Hồng P, Ngô Trường H, Tạ V, Nguyễn Hữu B1, Dương Ngọc Hoàng A1, Trương Đình Hải Q1, Huỳnh Thế G1, Trương Trần Văn T6, Phạm Văn H2, Nguyễn Hữu T3 không phải chịu.

4. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác (Nguyễn Hữu Đ3, Trương Quang H8, Trương Đức T8, Đặng Thế D1, Nguyễn Mạnh C4, Trần Lam Tr1); xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền